TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐỐP** TỈNH BÌNH PHƯỚC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:42/2024/HS-ST
Ngày: 12/6/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐỐP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đoàn Ngọc Thảo
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Mạnh Quang và bà Điểu Thị Hương.
- Thư ký phiên toà: Ông Nông V Thắng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.
-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: ông Đỗ Lâm Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2024, tại Toà án nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2024/HSST ngày 15 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/HSST-QĐ ngày 30/5/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Võ Anh V**; Sinh năm:1975, tại Đồng Nai; Tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; Nơi thường trú: Khu phố 3, Phường P, thị xã P, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; họ và tên cha: Võ Thanh V, sinh năm 1950; họ và tên mẹ : Phạm Thị Đ, sinh năm 1952; Bị cáo có 03 em, lớn nhất sinh năm 1978, nhỏ nhất sinh năm 1980; Vợ: Ngô Thị Hồng S, sinh năm 1976; Bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2011

Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 16/01/2024 bị khởi tố về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay – *có mặt tại phiên tòa.*

2. Họ và tên: **Kiều Duy P**; Sinh năm: 2000, tại Bình Phước; Tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; Nơi thường trú: thôn 10, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; họ và tên cha: Nguyễn Sỹ V (đã chết); họ và tên mẹ : Nguyễn Thị M; Bị cáo có 01 chị, sinh năm 1991; Vợ: Quách Thị Thu H, sinh năm 2003; 01 con sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 16/01/2024 bị khởi tố về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay – *có mặt tại phiên tòa.*

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Võ Thắng S, sinh năm 1999; địa chỉ: số 42/1, đường số 10, khu phố 1, phường C, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh – *vắng mặt*

+ Phan Viết V, sinh năm 2005; địa chỉ: ấp B xã H, huyện B, tỉnh Bình Phước – *vắng mặt*

+ Trần Thị Thanh T, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Phước – *vắng mặt*

+ Trương Thị Xuân H, sinh năm 1999; địa chỉ: ấp T, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước – *vắng mặt*

+ Nguyễn Đình T, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước – *vắng mặt*

+ Điểu Thị L, sinh năm 1998; địa chỉ: ấp S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước – *vắng mặt*

+ Lê Minh T, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp T, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước – *vắng mặt*

+ Đào Thị Tuyết H, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước – *vắng mặt*

+ Đàm Thanh T, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện B2, tỉnh Bình Phước – *vắng mặt*

+ Trần Minh T, sinh năm 1996; địa chỉ: ấp T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Phước – *vắng mặt*

+ Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện B2, tỉnh Bình Phước – *vắng mặt*

+ Hồ Thị T, sinh năm 1962; địa chỉ: ấp 8, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước – *vắng mặt*

+ Cao V L, sinh năm 1999; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước – *vắng mặt*

+ Mai Tấn P, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn 8, xã M, huyện B3, tỉnh Bình Phước – *vắng mặt*

+ Lê V Hoàng D, sinh năm 1993; địa chỉ: Khu phố T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Phước – *vắng mặt*

+ Nông Quốc H, sinh năm 2003; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước – có đơn xin vắng mặt

+ Lê Trọng N, sinh năm 1998; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước – có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14/01/2024, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc có đối tượng hành nghề cho vay với lãi suất cao bằng hình thức cho thuê xe mô tô hoạt động tại tiệm cầm đồ HQ thuộc Kp T, thị trấn T, huyện B. CQ CSĐT Công an huyện Bù Đốp đã phối hợp với phòng PC02 – Công an tỉnh Bình Phước tiến hành kiểm tra và bắt quả tang Kiều Duy P đang nhận số tiền 10.200.000 đồng của Võ Thắng S (đây là số tiền gốc và lãi mà S đưa cho P để chuộc xe mô tô Honda Vario biển số 93B1 – 40860 đã cầm cố để vay tiền tại Tiệm cầm đồ HQ vào ngay 09/01/2024). Cơ quan điều tra đã thu giữ

- 10.200.000.đồng (Mười triệu hai trăm ngàn đồng).
- 01 CCCD số 070200003930 mang tên Kiều Duy P;
- 01 (một) ĐTDĐ Iphone 13 màu hồng, có số IMEI: 358824783910335, IMEI 2: 358824783101059, gắn thẻ sim có số thuê bao 0971546526; 01 con dấu mộc đỏ có nội dung: "DỊCH VỤ CẦM ĐỒ HQ", "ĐC: KP. THANH BÌNH, TT. THANH BÌNH, BÙ ĐỐP", "ĐT: 0886.070.666".

+ 01 CPU máy tính màu đen, không rõ chủng loại thu tại khu vực bàn làm việc, và thu giữ 16 xe mô tô các loại kèm theo hợp đồng cầm cố, thế chấp, căn cước công dân, giấy đăng ký xe của những người vay tiền tại tiệm cầm đồ HQ(có bảng kê chi tiết vật chứng kèm theo)

Quá trình điều tra xác định:

Ngày 08/6/2020 Trần Xuân T, được Phòng tài chính kế hoạch huyện Bù Đốp cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 44-J-8-004714 với tên hộ kinh doanh là Hộ kinh doanh HQ, ngành nghề kinh doanh: dịch vụ cầm đồ, mua bán và cho thuê xe máy, tại thị trấn T, huyện B.

Ngày 17/7/2020, Trần Xuân T ủy quyền quản lý toàn bộ hoạt động kinh doanh tại hộ kinh doanh HQ cho Võ Anh V. Tháng 2/2022 Võ Anh V thuê Kiều Duy P quản lý công việc kinh doanh của cở sở trên và báo cáo công việc hàng ngày cho Vũ qua điện thoại di động.

Lợi dụng việc kinh doanh dịch vụ cầm đồ, từ tháng 6 năm 2022 đến tháng 01/2024 V và P đã cho nhiều người dân trên địa bàn huyện B, B2, B3 vay tiền (thông qua hình thức tạo những hợp đồng mua bán xe mô tô giữa các bên, sau đó chính người vay tiền phải thuê lại xe mô tô trên; cầm cố xe mô tô). Khi cho vay tiền, P chuẩn bị sẵn các hợp đồng cầm cố, hợp đồng cho thuê xe mô tô theo mẫu đã soạn sẵn để người vay điền thông tin cá nhân và kí nhận khi vay tiền. Đối với người vay tiền qua hợp đồng cầm đồ, P yêu cầu để lại căn cước công dân, căn cước công dân phô tô, giấy tờ xe; đối với người vay qua hợp đồng thuê xe, P yêu cầu để lại căn cước công dân. Việc trả lãi

và gốc được thực hiện giao dịch qua chuyển khoản ngân hàng hoặc trả tiền mặt trực tiếp.

Việc cho vay được thực hiện bằng hình thức cho vay lãi đứng, hàng ngày người vay tiền chỉ trả tiền lãi, còn tiền gốc trả một lần khi kết thúc hợp đồng, thời hạn vay tùy vào người vay. Lãi suất tiền vay như sau: vay 1.000.000đ, lãi suất thấp nhất từ 3.000đ/ 1.000.000đ/ ngày và cao nhất đến 4.000đ/1.000.000đ/ ngày, cụ thể:

Lãi suất 3000đ/1.000.000đ/ ngày tương ứng 0,3%/ngày, 9%/tháng, 109,5%/năm.

Lãi suất 4.000đ/1.000.000đ/ngày tương ứng 0,4%/ngày, 12%/tháng, 146%/năm.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Nếu khoản tiền vay là 1.000.000đ thì lãi suất vay không được vượt quá 200.000đ01 năm, tương đương 16.66đ/tháng, tương đương 556đ/ngày.

Như vậy, lãi suất từ 3000đ/1.000.000đ/ngày đến 4000đ/1.000.000 đ/ngày, tương đương mức lãi suất từ 109,5 %/năm đến 146%/ năm, gấp từ 5,475 lần đến 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự.

Cụ thể từng trường hợp vay và số tiền thu lợi bất chính như sau:

1. Võ Thắng S vay 01 lần với số tiền 10.000.000đ vào ngày 09/1/2024 và cầm cố 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Vario, biển số 93P1 – 408.60 với Kiều Duy P, lãi suất 3000đ/1.000.000đ/ngày, thời hạn vay 6 ngày, mỗi ngày trả 30.000đ tiền lãi. S đã kết thúc hợp đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 147.123đ

2. Phan Viết V vay 01 lần với số tiền 6.000.000đ vào ngày 18/12/2023 và cầm cố 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 93G1 – 220.65 với Kiều Duy P lãi suất 3000đ/1.000.000 đ/ngày, thời hạn vay 28 ngày, mỗi ngày trả 18.000đ tiền lãi. V đã kết thuc hợp đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 411.945đ

3. Trần Thị Thanh T vay 01 lần với số tiền 18.000.000đ vào ngày 22/6/2022, và làm hợp đồng mua bán xe mô tô Honda, loại Wave, biển số 93P2 – 279.05 và xe mô tô Honda, loại Wave, biển số 93P2 – 276.08 với Kiều Duy P, sau đó thuê lại 02 xe mô tô với số tiền 18.000.000đ, lãi suất 4000đ/1.000.000đ/ngày. Thời hạn vay 700 ngày, mỗi ngày trả 72.000đ tiền lãi. Thảo đã kết thúc hợp đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 43.495.890đ.

4. Trương Thị Xuân H vay 01 lần với số tiền 20.000.000đ vào ngày 08/1/2024 và làm hợp đồng mua bán xe mô tô Honda, loại Vision, biển số 93G1 – 345.06 với P, sau đó P làm hợp đồng cho H thuê lại xe trên, lãi suất 4000đ/1.000.000đ/ngày. Thời hạn vay 7 ngày, mỗi ngày trả 80.000đ tiền lãi. H đã kết thúc hợp đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 483.287đ.

5. Nguyễn Đình T vay 01 lần với số tiền 10.000.000đ vào ngày 14/10/2023, và làm hợp đồng mua bán xe mô tô Honda, loại Future, biển số 93G1 – 238.45 với Kiều Duy P. Sau đó P làm hợp đồng cho T thuê lại xe trên với số tiền 10.000.000đ, lãi suất

4000đ/1.000.000đ/ngày. Thời hạn vay 93 ngày, mỗi ngày trả 40.000đ tiền lãi. T đã kết thúc hợp đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 3.210.410đ.

6. Điểu Thị L vay 01 lần với số tiền 8.000.000đ vào ngày 21/12/2023 và làm hợp đồng mua bán xe mô tô Honda, loại Wave, biển số 93G1 – 275.33 với Kiều Duy P. Sau đó P làm hợp đồng cho L thuê lại xe trên với số tiền 8.000.000đ, lãi suất 4000đ/1.000.000đ/ngày. Thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày trả 32.000đ tiền lãi. L đã kết thúc hợp đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 690.410đ.

7. Lê Minh T vay 01 lần với số tiền 5.000.000đ vào ngày 11/12/2023và làm hợp đồng mua bán xe mô tô Honda, loại Wave, biển số 93G1 – 335.07 với Kiều Duy P. Sau đó P làm hợp đồng cho T thuê lại xe trên với số tiền 5.000.000đ, lãi suất 4000đ/1.000.000đ/ngày. Thời hạn vay 35 ngày, mỗi ngày trả 20.000đ tiền lãi. T đã kết thúc hợp đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 604.109đ.

8. Đào Thị Tuyết H vay 02 lần với số tiền 15.000.000đ. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 12/12/2023 vay 10.000.000đ và làm hợp đồng mua bán xe mô tô Honda, loại Vision, biển số 93G1 – 225.09. Sau đó P làm hợp đồng cho H thuê lại xe trên với số tiền 10.000.000đ, lãi suất 4000đ/1.000.000đ/ngày. Thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày trả 40.000đ tiền lãi. H còn nợ lại số tiền gốc 10.000.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 1.035.616đ.

Lần thứ hai: Ngày 10/01/2024, H vay tiếp 5.000.000đ, cộng số tiền gốc còn nợ lại ở lần vay thứ nhất. Tổng số tiền vay là 15.000.000đ, lãi suất lãi suất 4000đ/1.000.000/ngày. Thời hạn vay 05 ngày, mỗi ngày trả 60.000đ tiền lãi. H đã kết thúc hợp đồng Số tiền thu lợi bất chính là 258.904đ.

9. Đàm Thanh T vay 01 lần với số tiền 4.000.000đ vào ngày 11/3/2023 và cầm cố 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Wave, biển số 93H1 – 151.55, lãi suất 3000đ/1.000.000đ/ngày, thời hạn vay 309 ngày, mỗi ngày trả 12.000đ tiền lãi. T đã kết thúc hợp đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 3.030.739đ.

10. Trần Minh T vay 01 lần với số tiền 25.000.000đ vào ngày 13/01/2024 và cầm cố 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, biển số 93H1 – 151.55 của Trần Minh T với số tiền 25.000.000đ, lãi suất 3000đ/1.000.000đ/ngày, thời hạn vay 2 ngày, mỗi ngày trả 75.000đ tiền lãi. T đã kết thúc hợp đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 122.602đ.

11. Nguyễn Thị Kim N vay 01 lần với số tiền 2.000.000đ vào ngày 19/7/2023 và cầm cố 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Mio, biển số 93T5 – 3825, lãi suất 3000đ/1.000.000đ/ngày, thời hạn vay 150 ngày, mỗi ngày trả 6.000đ tiền lãi. N đã kết thúc hợp đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 735.616đ.

12. Lê Thị Phúc vay 01 lần với số tiền 10.000.000đ ngày 30/10/2023 và làm hợp đồng mua bán xe mô tô Honda, loại Blade, biển số 93G1 – 325.01 với Kiều Duy P. Sau đó P làm hợp đồng cho P thuê lại xe trên với số tiền 10.000.000đ, lãi suất 4000đ/1.000.000đ/ngày. Thời hạn vay 77 ngày, mỗi ngày trả 40.000đ tiền lãi. P đã kết thúc hợp đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 2.658.082đ.

13. Hồ Thị T vay 01 lần với số tiền 6.000.000đ vào ngày 13/12/2023 và cầm cố 01 xe mô tô Honda, loại Vision, biển số 93P2 – 619.23, lãi suất 3000đ/1.000.000đ/ngày. Thời hạn vay 33 ngày, mỗi ngày trả 18.000đ tiền lãi. T đã kết thúc hợp đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 485.506đ.

14. Cao V L vay 01 lần với số tiền 7.000.000đ vào ngày 07/12/2023 và cầm cố 01 xe mô tô Honda, loại Wave RSX, biển số 93G1 – 230.31, lãi suất 3000đ/1.000.000đ/ngày. Thời hạn vay 38 ngày, mỗi ngày trả 21.000đ tiền lãi. L đã kết thúc hợp đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 652.246 đồng.

15. Mai Tấn P vay 01 lần với số tiền 17.000.000đ vào ngày 07/1/2024 và cầm cố 01 xe mô tô Honda, loại Sonic, biển số 93P2 – 935.78, lãi suất 3000đ/1.000.000đ/ngày. Thời hạn vay 08 ngày, mỗi ngày trả 51.000đ tiền lãi. P đã hoàn thành hợp đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 333.479đ.

16. Lê V Hoàng D vay 01 lần với số tiền 5.000.000đ vào ngày 11/12/2023 và làm hợp đồng mua bán xe mô tô Yamaha, loại Sirius, biển số 93P2 – 424.42 với Kiều Duy P. Sau đó Phong làm hợp đồng cho D thuê lại xe trên với số tiền 5.000.000đ, lãi suất 3000đ/1.000.000đ/ngày. Thời hạn vay 35 ngày, mỗi ngày trả 15.000đ tiền lãi. D đã hoàn thành hợp đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 429.109đ.

17. Nông Quốc H vay 01 lần với số tiền 20.000.000đ ngày 12/11/2023 và cầm cố 01 xe mô tô Honda, loại Vario, biển số 93P2 – 689.44, lãi suất 3000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Thời hạn vay 64 ngày, mỗi ngày trả 60.000đ tiền lãi. H đã hoàn thành hợp đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 3.138.630đ.

- Tổng số tiền thu lợi bất chính là 61.923.703 đ.
- Tổng số tiền gốc bị cáo đã cho vay là 198.000.000đ

Bản cáo trạng số: 21/CT-VKS-HS ngày 12/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Võ Anh V, Kiều Duy P về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* theo khoản 1 Điều 201 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Võ Anh V và Kiều Duy P phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*.

Về mức hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17, 58; và Điều 35 của Bộ luật hình sự và đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo V từ 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) đến 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng). Bị cáo P từ 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng) đến 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và các vấn đề khác của vụ án theo qui định của pháp luật.

Ý kiến của các bị cáo: Đồng ý về tội danh, điều luật mà đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị áp dụng với bị cáo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt, không có ý kiến

tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Tuy nhiên, xét thấy sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không trở ngại cho việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử vụ án theo quy định tại điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tại phiên tòa của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận:

Kiều Duy P được Võ Anh V thuê quản lý tiệm cầm đồ HQ, V thống nhất với P cho người cầm đồ vay với lãi suất từ 3.000đ đến 4000đ/1 triệu/1ngày, V đưa tiền gốc cho P để thực hiện hành vi cho vay. Từ tháng 6 năm 2022 đến tháng 01 năm 2024, Kiều Duy P đã cho Võ Thắng S, Phan Viết V, Trần Thị Thanh T, Trương Thị Xuân H, Nguyễn Đình T, Điểu Thị L, Lê Minh T, Đào Thị Tuyết H, Đàm Thanh T, Trần Minh T, Nguyễn Thị Kim N, Hồ Thị T, Cao V Lợi, Mai Tấn P, Lê V Hoàng D, Nông Quốc H vay tiền tiền với mức lãi suất thấp nhất là 109,5%/năm, lãi suất cao nhất là 146%/năm, cao gấp 5,475 lần đến 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Thu lợi bất chính tổng số tiền: 61.923.703đ (sáu mươi mốt triệu chín trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm lẻ ba đồng), tiền gốc sử dụng để cho vay là 198.000.000đ. Phong đã thu tiền gốc, tiền lãi và đã giao hết tiền cho Vũ.

Hành vi của Võ Anh V, Kiều Duy P đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Do đó, cáo trạng số: 21CT-VKS- HS ngày 12/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước truy tố các bị cáo Võ Anh Võ và Kiều Duy P về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* theo khoản 1 Điều 201 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

[3]. Về tính chất, mức độ ảnh hưởng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ đã được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình.

Xét đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo V và P đều thống nhất cho vay, P là người được V thuê, trực tiếp quản lý cho vay và đưa tiền thu được cho V, giúp sức tích cực cho V. V là người trực tiếp hưởng lợi và là người hướng dẫn cho P cho vay

nên hình phạt đối với bị cáo V sẽ cao hơn bị cáo P.

[4]. Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tiền thu lợi bất chính các bị cáo đã nộp tiền tại chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đốp để khắc phục một phần hậu quả; các bị cáo đêu nuôi con nhỏ Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s, khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. HĐXX cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Xét thấy, các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên chỉ cần xử phạt tiền các bị cáo là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo đã bị xử phạt tiền là hình phạt chính, số tiền thu lời bất chính đã bị truy thu nên miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6]. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 01/2021/ NQ – HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ luật hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

Đối với khoản tiền gốc: V và P đã cho vay tổng số tiền gốc là 198.000.000đ, xét đây là tiền các bị cáo sử dụng đề thực hiện hành vi cho vay lãi nặng; những người vay đã tất toán trả tiền gốc và trả tiền lãi cho P và V nên cần truy thu số tiền gốc và tiền lãi mà P và V đã cho vay và thu được. Tuy nhiên, sau khi thu tiền gốc và tiền lãi từ người vay P đều đã giao hết cho V. P chỉ được V trả lương nên truy thu một mình V 198.000.000đ (một trăm chín mươi tám triệu đồng) tiền gốc sử dụng để cho vay và tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 10.443.288đ (mười triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm tám mươi tám đồng).

Khoản tiền thu lợi bất chính đã nhận từ những người vay vượt quá 20%/năm là 61.923.7032đ cần trả lại cho người vay. Cụ thể:

Trả lại cho Võ Thắng S 147.123đ; trả lại cho Phan Viết V 411.945đ; trả lại cho Trần Thị Thanh T 43.495.890đ; trả lại cho Trương Thị Xuân H 483.287đ; trả lại cho Nguyễn Đình T 3.210.410đ; trả lại cho Điểu Thị L 690.410đ; trả lại cho Lê Minh T 604.110đ; trả lại cho Đào Thị Tuyết H 1.294.520đ; trả lại cho Đàm V T 3.030.739đ; trả lại ch Trần Minh T 122.602đ; trả lại cho Nguyễn Thị Kim N 735.616đ; trả lại cho Lê Thị P 2.658.082đ; trả lại cho Hồ Thu T 485.506đ; trả lại cho Cao V L 652.246đ; trả lại cho Mai Tấn P 333.479đ; trả lại cho Lê V Hoàng D 429.109đ; trả lại cho Nông Quốc H 3.138.630đ

[7]. Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 10.200.000đ thu giữ được từ bị cáo Kiều Duy P, xét đây là tiền người vay trả cho V nên cần tiếp tục tạm giữ đề đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 ĐTDĐ Iphone 13 màu hồng, có số IMEI: 358824783910335, IMEI 2: 358824783101059, gắn thẻ sim có số thuê bao 0971546526. Điện thoại của bị cáo P dùng để liên lạc hoạt động cho vay lãi nặng, xét tài sản còn giá trị sử dụng cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 16 xe mô tô các loại kèm theo căn cước công dân, giấy đăng ký xe; hợp đồng, cầm cố, thế chấp; 01 dấu mộc; 01 con dấu mộc đỏ có nội dung: "DỊCH VỤ CẦM ĐỒ HQ", "ĐC: KP. T, TT. T, B", "ĐT: 0886.070.xxx"; Cơ quan CSĐT ra Quyết định

xử lý vật chứng trả lại cho Võ Anh V, Kiều Duy P và những người vay tiền là phù hợp nên không đề cấp xử lý lại.

Đối với 01 (một) CPU máy tính màu đen, không rõ chủng loại thu tại khu vực bàn làm việc, xét đây là tài sản của Lê Trong Na cho P mượn nên Cơ quan cảnh sát điều trả đã trả lại cho N là phù hợp nên không đề cập xử lý.

Đối với điện thoại di động của Võ Anh V dùng để cho vay đã bị mất không thu hồi được nên không đề cập xử lý.

Đối với tiền 61.923.676đ bị cáo V nhờ bị cáo P nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, xét đây là tiền thu lợi bất chính các bị cáo nộp lại để khắc phục hậu quả nên cần tạm giữ đề đảm bảo cho việc thi hành án.

[8]. Về các vấn đề khác:

Đối với các trường hợp cho Điểu Thị N, Đỗ Thị Lan A, Châu Thị Ngọc S, Trần Tam P vay tiền theo các hợp đồng ngày 29/12/2023, ngày 20/10/2023, 09/1/2024, 12/10/2023 với lãi suất 2000đ/1.000.000đ/ngày, tương ứng 0,2%/ngày, 6%/tháng, 73%/năm, không đủ cấu yếu tố thành tội Cho vay lãi nặng nên cơ quan điều tra không xem xét

Đối với Trần Xuân T, là người đứng tên hộ cho Võ Anh V trong giấy phép đăng ký kinh doanh, sau khi ủy quyền cho Võ Anh V thì anh T không tham gia công việc kinh doanh không hưởng lợi nhuận. Xét thấy T không đồng phạm với V và P về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", nên cơ quan điều tra không xem xét là phù hợp

[9]. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội bị cáo phải chịu theo quy định.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước là có căn cứ, phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Kiều Duy P, Võ Anh V phạm tội " *Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*.

- Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, các điều 50; 17, 58 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Võ Anh V 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Kiều Duy P 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng).

- Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Võ Anh V và bị cáo Kiều Duy P.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Truy thu bị cáo Võ Anh V số tiền: 198.000.000đ (một trăm chín mươi tám triệu đồng) và 10.443.288đ (mười triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm tám mươi tám đồng) tiền thu lợi bất chính. Tổng số tiền phải truy thu là 208.443.288đ (hai trăm lẻ tám triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm trăm tám mươi tám đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

- Tạm giữ số tiền 10.200.000đ (mười triệu hai trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Vũ để bảo đảm thi hành án.

- Tịch thu sung Ngân sách nhà nước 01 ĐTDĐ Iphone 13 màu hồng, có số IMEI: 358824783910335, IMEI 2: 358824783101059 của bị cáo Kiều Duy P.

Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0007904 ngày 12/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

- Tạm giữ số tiền 61.923.676đ (sáu mươi mốt triệu chín trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm bảy mươi sáu đồng) tiền thu lợi bất chính đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003532 ngày 12/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước;

3. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Võ Anh V có nghĩa vụ:

- Trả lại cho Võ Thắng S 147.123đ (một trăm bốn mươi bảy nghìn một trăm hai mươi ba đồng)
- Trả lại cho Phan Viết V 411.945đ (bốn trăm mười một nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng).
- Trả lại cho Trần Thị Thanh T 43.495.890đ (bốn mươi ba triệu bốn trăm chín mười lăm nghìn tám trăm chín mươi đồng).
- Trả lại cho Trương Thị Xuân H 483.287đ (bốn trăm tám mươi ba nghìn hai trăm tám mươi bảy đồng).
- Trả lại cho Nguyễn Đình T 3.210.410đ (ba triệu hai trăm mươi nghìn bốn trăm mươi đồng)
- Trả lại cho Điểu Thị L 690.410đ (sáu trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười đồng).
- Trả lại cho Lê Minh T 604.110đ (sáu trăm lẻ bốn nghìn một trăm mười đồng);
- Trả lại cho Đào Thị Tuyết H 1.294.520đ (một triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm hai mươi đồng).
- Trả lại cho Đàm V T 3.030.739đ (ba triệu không trăm ba mươi nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng).
- Trả lại ch Trần Minh T 122.602đ (một trăm hai mươi hai nghìn sáu trăm lẻ hai đồng).
- Trả lại cho Nguyễn Thị Kim N 735.616đ (bảy trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng);
- Trả lại cho Lê Thị P 2.658.082đ (hai triệu sáu năm mươi tám nghìn không trăm tám mươi hai đồng);
- Trả lại cho Hồ Thu T 485.506đ (bốn trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm lẻ sáu đồng)
- Trả lại cho Cao V L 652.246đ (sáu trăm năm hai nghìn hai trăm bốn sau đồng);
- Trả lại cho Mai Tấn P 333.479đ (ba trăm ba mươi ba nghìn bốn trăn bảy mươi chín đồng);
- Trả lại cho Lê V Hoàng D 429.109đ (bốn trăm hai mươi chín nghìn một trăm lẻ chín đồng);
- Trả lại cho Nông Quốc H 3.138.630đ (ba triệu một trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm

trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Kể từ ngày Bản án có hiêu lực pháp luật thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7 b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

4. Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo V phải nộp phải nộp: 3.096.815đ (ba triệu không trăm chín mười sáu nghìn tám trăm mười lăm đồng).

Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

<u>Nơi nhận</u>:
- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện Bù Đốp;
- CCTHADS huyện Bù Đốp;
- CA huyện Bù Đốp;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đoàn Ngọc Thảo